

Ta công nhận:  $2 \times 0 = 0$

- Cho HS nêu bằng lời: Hai nhân không bằng không, không nhân hai bằng không.

$$0 \times 3 = 0 + 0 + 0 = 0 \quad \text{vậy} \quad 0 \times 3 = 3$$

Ta công nhận:  $3 \times 0 = 0$

- Cho HS nêu lên nhận xét để có:
  - + Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.
  - + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

❖ **Hoạt động 2:** Giới thiệu phép chia có số bị chia là 0.

- Dựa vào mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, GV hướng dẫn HS thực hiện theo mẫu sau:

- Mẫu:  $0 : 2 = 0$ , vì  $0 \times 2 = 0$

- $0 : 3 = 0$ , vì  $0 \times 3 = 0$

- $0 : 5 = 0$ , vì  $0 \times 5 = 0$

- Cho HS tự kết luận: Số 0 chia cho số nào khác cũng bằng 0.

- GV nhấn mạnh: Trong các ví dụ trên, số chia phải khác 0.

- GV nêu chú ý quan trọng: *Không có phép chia cho 0.*

Chẳng hạn: Nếu có phép chia  $5 : 0 = ?$

không thể tìm được số nào nhân với 0 để được 5 (điều này không nhất thiết phải giải thích cho HS).

❖ **Hoạt động 3:** Thực hành

Bài 1: HS tính nhẩm. Chẳng hạn:

$$0 \times 4 = 0$$

không bằng không, không nhân hai bằng không.

- HS nêu nhận xét:
  - + Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.
  - + Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.
- Vài HS lặp lại.

HS thực hiện theo mẫu:

- $0 : 2 = 0$ , vì  $0 \times 2 = 0$  (thương nhân với số chia bằng số bị chia)

- HS làm:  $0 : 3 = 0$ , vì  $0 \times 3 = 0$  (thương nhân với số chia bằng số bị chia)

- $0 : 5 = 0$ , vì  $0 \times 5 = 0$  (thương nhân với số chia bằng số bị chia)

- HS tự kết luận: Số 0 chia cho số nào khác cũng bằng 0.

- HS tính
- HS làm bài. Sửa bài.

|   |  |
|---|--|
| <p><math>4 \times 0 = 0</math></p> <p>Bài 2: HS tính nhẩm. Chẳng hạn:<br/><math>0 : 4 = 0</math></p> <p>Bài 3: Dựa vào bài học. HS tính nhẩm để điền số thích hợp vào ô trống. Chẳng hạn:<br/><math>0 \times 5 = 0</math><br/><math>0 : 5 = 0</math></p> <p>Bài 4: HS tính nhẩm từ trái sang phải.<br/>Chẳng hạn:<br/>Nhẩm: <math>2 : 2 = 1; \quad 1 \times 0 = 0.</math></p> <p>Viết <math>2 : 2 \times 0 = 1 \times 0.</math><br/><math>= 0</math></p> <p>Nhẩm <math>0 : 3 = 0; \quad 0 \times 3 = 0.</math></p> <p>Viết <math>0 : 2 = 0 \times 3</math><br/><math>= 0</math></p> <p>4. <u>Củng cố – Dẫn dò (3')</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét tiết học.</li> <li>- Chuẩn bị: Luyện tập.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm bài. Sửa bài.</li> <li>- HS làm bài. Sửa bài.</li> <li>- HS làm bài.</li> <li>- HS sửa bài.</li> </ul> |
|---|--|

**TIẾT 2 : TIẾNG VIỆT**  
**ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. Mục tiêu**

- Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở tiết 1
- Biết cách đặt và trả lời câu hỏi với ở đâu ? ( BT2,BT3) ; biết đáp lời xin lỗi trong tình huống giao tiếp cụ thể ( 1 trong 3 tình huống ở BT4)

**II. Chuẩn bị**

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 19 đến tuần 26. Bảng để HS điền từ trong trò chơi.
- HS: SGK, vở.

**III. Các hoạt động**

| <i>Hoạt động của Thầy</i> | <i>Hoạt động của Trò</i> |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. <u>Khởi động (1')</u>  | - Hát                    |
| 2. <u>Bài cũ (3')</u>     |                          |

- Ôn tập tiết 2

### 3. Bài mới

#### Giới thiệu: (1')

- Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.

#### Phát triển các hoạt động (27')

##### ❖ *Hoạt động 1:* Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng

- Cho HS lên bảng gấp thăm bài đọc.
- Gọi HS đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc.
- Gọi HS nhận xét bài bạn vừa đọc.
- Cho điểm trực tiếp từng HS.
- Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng HS của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này.

##### ❖ *Hoạt động 2:* Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi: Ở đâu?

- Bài 2
- Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?
- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về nội dung gì?
- Hãy đọc câu văn trong phần a.
- Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ở đâu?
- Vậy bộ phận nào trả lời cho câu hỏi “Ở đâu?”
- Yêu cầu HS tự làm phần b.
- Bài 3
- Gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài.

- Lần lượt từng HS gấp thăm bài, về chỗ chuẩn bị.
- Đọc và trả lời câu hỏi.

- Theo dõi và nhận xét.

- Bài tập yêu cầu chúng ta: Tìm bộ phận câu trả lời cho câu hỏi: “Ở đâu?”
- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về địa điểm (nơi chốn).
- Đọc: Hai bên bờ sông, hoa phượng vĩ nở đỏ rực.
- Hai bên bờ sông.
- Hai bên bờ sông.
- Suy nghĩ và trả lời: trên những cành cây.
- Đặt câu hỏi cho bộ phận được in đậm.
- Hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ sông.
- Bộ phận “hai bên bờ

- Gọi HS đọc câu văn trong phần a.
- Bộ phận nào trong câu văn trên được in đậm?
- Bộ phận này dùng để chỉ điều gì? Thời gian hay địa điểm?
- Vậy ta phải đặt câu hỏi cho bộ phận này ntn?

- Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau cùng thực hành hỏi đáp theo yêu cầu. Sau đó, gọi 1 số cặp HS lên trình bày trước lớp.

- Nhận xét và cho điểm HS.

❖ *Hoạt động 3: Ôn luyện cách đáp lời xin lỗi của người khác*

- Bài tập yêu cầu các em đáp lời xin lỗi của người khác.
- Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh nhau, suy nghĩ để đóng vai thể hiện lại từng tình huống, 1 HS nói lời xin lỗi, 1 HS đáp lại lời xin lỗi. Sau đó gọi 1 số cặp HS trình bày trước lớp.
- Nhận xét và cho điểm từng HS.

#### 4. Củng cố – Dẫn dò (3')

- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về nội dung gì?

sông”.

- Bộ phận này dùng để chỉ địa điểm.
- Câu hỏi: Hoa phượng vĩ nở đỏ rực ở đâu?/ Ở đâu hoa phượng vĩ nở đỏ rực?
- Một số HS trình bày, cả lớp theo dõi và nhận xét. Đáp án:

b) Ở đâu trăm hoa khoe sắc?/  
Trăm hoa khoe sắc ở đâu?

Đáp án:

a) Không có gì. Lần sau bạn nhớ cẩn thận hơn nhé./ Không có gì, mình về giặt là áo lại trắng thôi./ Bạn nên cẩn thận hơn nhé./ Thôi không sao./...

b) Thôi không có đâu./ Em quên mất chuyện ấy rồi./ Lần sau chị nên suy xét kĩ hơn trước khi trách người khác nhé./ Không có gì đâu, bây giờ chị hiểu em là tốt rồi./...

c) Không sao đâu bác./ Không có gì đâu bác ạ./...

- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về địa điểm.
- Chúng ta thể hiện sự lịch sự, đúng mực, nhẹ nhàng, không chê trách nặng lời vì người gây lỗi đã biết lỗi

|   |      |
|---|------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi đáp lại lời cảm ơn của người khác, chúng ta cần phải có thái độ ntn?</li> <li>- Dặn dò HS về nhà ôn lại kiến thức về mẫu câu hỏi “Ở đâu?” và cách đáp lời xin lỗi của người khác.</li> </ul> | rồi. |
|---|------|

### TIẾT 3 :

## TIẾNG VIỆT ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

### I. Mục tiêu

- Mức độ yêu cầu về kỹ năng đọc như ở tiết 1
- Nắm được một từ về chim chóc (BT2) ; viết được một đoạn văn ngắn về một loại chim hoặc gia cầm (BT3)

### II. Chuẩn bị

- GV: Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc từ tuần 19 đến 26. Các câu hỏi về chim chóc để chơi trò chơi. 4 lá cờ.
- HS: SGK, vở.

### III. Các hoạt động

| Hoạt động của Thầy   | Hoạt động của Trò  |
|--|--|
| 1. <u>Khởi động</u> (1')<br>2. <u>Bài cũ</u> (3')<br>- Ôn tập tiết 3.<br>3. <u>Bài mới</u><br><u>Giới thiệu:</u> (1')<br>- Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.<br><u>Phát triển các hoạt động (27')</u><br>❖ <u>Hoạt động 1:</u> Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng<br>- Cho HS lên bảng gấp thăm bài đọc.<br><br>- Gọi HS đọc và trả lời 1 câu hỏi về nội dung bài vừa đọc.<br>- Gọi HS nhận xét bài bạn vừa đọc.<br>- Cho điểm trực tiếp từng HS. | - Hát<br><br><br><br><br><br><br><br><br><br><br>- Lần lượt từng HS gấp thăm bài, về chỗ chuẩn bị.<br>- Đọc và trả lời câu hỏi.<br><br>- Theo dõi và nhận xét. |

- Chú ý: Tùy theo số lượng và chất lượng HS của lớp được kiểm tra đọc. Nội dung này sẽ được tiến hành trong các tiết 1, 2, 3, 4, 5 của tuần này.

❖ *Hoạt động 2:* Trò chơi mở rộng vốn từ về chim chóc

- Chia lớp thành 4 đội, phát cho mỗi đội một lá cờ.
- Phổ biến luật chơi: Trò chơi diễn ra qua 2 vòng.

+ Vòng 1: GV đọc lần lượt từng câu đố về các loài chim. Mỗi lần GV đọc, các đội phát cờ để dành quyền trả lời, đội nào phát cờ trước được trả lời trước, nếu đúng được 1 điểm, nếu sai thì không được điểm nào, đội bạn được quyền trả lời.

+ Vòng 2: Các đội được quyền ra câu đố cho nhau. Đội 1 ra câu đố cho đội 2, đội 2 ra câu đố cho đội 3, đội 3 ra câu đố cho đội 4, đội 4 ra câu đố cho đội 5. Nếu đội bạn trả lời được thì đội ra câu đố bị trừ 2 điểm, đội giải đố được cộng 3 điểm. Nếu đội bạn không trả lời được thì đội ra câu đố giải đố và được cộng 2 điểm. Đội bạn bị trừ đi 1 điểm.

Tổng kết, đội nào dành được nhiều điểm thì đội đó thắng cuộc.

❖ *Hoạt động 3:* Viết một đoạn văn ngắn (từ 2 đến 3 câu) về một loài chim hay gia cầm mà em biết

- Gọi 1 HS đọc đề bài.
- Hỏi: Em định viết về con chim gì?
- Hình dáng của con chim đó thế nào? (Lông nó màu gì? Nó to hay nhỏ?)

- Chia đội theo hướng dẫn của GV.

- Giải đố. Ví dụ:

1. Con gì biết đánh thức mọi người vào mỗi sáng? (gà trống)
2. Con chim có mỏ vàng, biết nói tiếng người. (vẹt)
3. Con chim này còn gọi là chim chiến chiến. (sơn ca)
4. Con chim được nhắc đến trong bài hát có câu: “luống rau xanh sâu đang phá, có thích không...” (chích bông)
5. Chim gì bơi rất giỏi, sống ở Bắc Cực? (cánh cụt)
6. Chim gì có khuôn mặt giống với con mèo? (cú mèo)
7. Chim gì có bộ lông đuôi đẹp nhất? (công)
8. Chim gì bay lả bay la? (cò)

1 HS đọc thành tiếng, cả lớp theo dõi SGK.

- HS nối tiếp nhau trả lời.

- HS khá trình bày trước lớp. Cả lớp theo dõi và nhận xét.
- HS viết bài, sau đó một số HS trình bày bài trước lớp.

|  |  |
|--|--|
| <p>Cánh của nó thế nào...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em biết những hoạt động nào của con chim đó? (Nó bay thế nào? Nó có giúp gì cho con người không...)</li> <li>- Yêu cầu 1 đến 2 HS nói trước lớp về loài chim mà em định kể.</li> <li>- Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.</li> </ul> <p>4. <u>Củng cố – Dẫn dò</u> (3')</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét tiết học.</li> <li>- Dẫn dò HS về nhà ôn lại kiến thức của bài và chuẩn bị bài sau.</li> </ul> |  |
|--|--|

**TIẾT 4 :**

**MĨ THUẬT**  
**Vẽ theo mẫu**  
**VẼ CẶP SÁCH HỌC SINH**

**I. Mục tiêu**

- HS nhận biết được hình dạng, đặc điểm của cái cặp.
- Biết cách vẽ và vẽ được cái cặp sách.
- HS Có ý thức giữ gìn đồ dùng học tập.

**II. Chuẩn bị**

GV:

- Chuẩn bị bốn cái cặp sách khác nhau về hình dạng cách trang trí.
- Hình minh họa cách vẽ.
- Bài vẽ của HS năm trước.

HS:

- Bút chì, màu vẽ,
- Vở tập vẽ.

**III. Các hoạt động**

| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
|------------------|------------------|
|------------------|------------------|

## 1. Ổn định tổ chức

- Hát vui.
- Kiểm tra đồ dùng học tập

## 2. Giảng bài mới

### a. Giới thiệu bài:

GV hỏi: - Thường ngày em dùng gì để đựng vở đến trường?

- Em có thích chiếc cặp của mình không?
- Em có muốn vẽ chiếc cặp của mình không?
- Vậy hôm nay các em có biết mình học bài gì không?

### **Bài 27. Vẽ theo mẫu: VẼ CẶP SÁCH HỌC SINH**

### b. Hoạt động 1: Quan sát, nhận xét

+ GV giới thiệu bốn chiếc cặp khác nhau và yêu cầu HS hợp thành 4 nhóm. Giao cho mỗi nhóm một chiếc cặp. Và nêu câu hỏi thảo luận:

“Các em hãy nhận xét hình dáng, màu sắc, cách trang trí của chiếc cặp”

+ GV cho HS thảo luận đồng thời theo dõi, giúp các em trả lời được đầy đủ câu hỏi.

+ GV cho HS báo cáo.:

- Nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét.
- Nhóm báo cáo.. Nhóm 3 nhận xét.
- Nhóm 3 báo cáo. Nhóm 4 nhận xét.
- Nhóm 4 báo cáo.. Nhóm 1 nhận xét.

+ GV kết luận: có nhiều cặp sách, mỗi loại có hình dạng khác nhau (hình CN, hình tròn, hình vuông,...). Trang trí khác nhau về họa tiết, màu sắc. Họa tiết có thể 1 hoa, 1, con vật,...

- Vậy các em thấy các bộ phận của cặp là gì?

### c. Hoạt động 2: Cách vẽ cái cặp sách

GV giới thiệu mẫu, kết hợp với hình minh họa để gợi ý HS cách vẽ:

- Vẽ hình cái cặp (chiều dài, chiều cao) cho vừa với phần giấy (không to quá, hay nhỏ

+ HS hát vui.

+ Dạng cái cặp sách.

+ HS tự trả lời câu hỏi.

+ Bài vẽ theo mẫu: vẽ cái cặp sách.

+ HS hợp thành 4 nhóm.

+ HS thảo luận.

- Nhóm 1 báo cáo..  
Nhóm 2 2 nhận xét.
- Nhóm 2 báo cáo..  
Nhóm 3 2 nhận xét.
- Nhóm 3 báo cáo..  
Nhóm 4 2 nhận xét.
- Nhóm 4 báo cáo..

Nhóm 1 2 nhận xét.

+ Có thêm, nắp, quai, dây đeo,...